



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, TP. Pleiku, Gia Lai

Điện thoại: (059) 3830013

Fax: (059) 3830013

Website: www.ghc.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Năm báo cáo: 2015



MỤC LỤC

PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI	2
Thông tin khái quát	2
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
Định hướng phát triển	8
Các rủi ro.....	8
PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015	10
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015	10
Tổ chức và nhân sự	10
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	14
Tình hình tài chính	16
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	17
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	18
PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	20
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015	20
Tình hình tài chính của công ty năm 2015.....	21
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016	22
PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	24
Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015.....	24
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty	24
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016.....	25
PHẦN E: BÁO CÁO TÀI CHÍNH	27
Ý kiến kiểm toán	27
Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	27

PHẦN A: THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI**
- Giấy CNĐKDN : số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/05/2002, thay đổi lần 8 ngày 02 tháng 4 năm 2015
- Vốn điều lệ : 205.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ năm tỷ đồng)
- Địa chỉ : 114 Trường Chinh, P. Phù Đổng, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai
- Điện thoại : (84.59) 383 0013
- Fax : (84.59) 383 0013
- Website : www.ghc.vn
- Mã cổ phiếu : **GHC**

Quá trình hình thành và phát triển:

14/03/2002

- Tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai được thành lập theo Hợp đồng kinh tế số 01-14-03-2002/PC3-ĐGL-01 giữa Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng công ty điện lực miền Trung) và Công ty Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần điện Gia Lai), với tổng vốn điều lệ 6 tỷ đồng.

02/06/2008

- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển điện Gia Lai đã chính thức chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai

2009

- Tháng 03/2009 Công ty chính thức đăng ký công ty đại chúng với UBCKNN.
- Tháng 11/2009 tăng vốn điều lệ thực góp lên 100 tỷ đồng

2011

- Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2014

- Ngày 28/10/2014 tăng vốn điều lệ thực góp lên 205 tỷ đồng.
- Đến ngày 30/12/2015, số lượng cổ đông của Công ty là 4.226 cổ đông, trong đó có 1.349 cổ đông đã lưu ký chứng khoán.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Hiện nay hoạt động sản xuất chính của Công ty là đầu tư xây dựng các dự án thủy điện vừa và nhỏ theo hình thức BOO (Đầu tư xây dựng – Sở hữu – Vận hành kinh doanh). Nguồn doanh thu chính của Công ty trong các năm qua toàn bộ từ vận hành sản xuất điện năng của 02 nhà máy thủy điện H'Chan và nhà máy thủy điện H'Mun.



Nhà máy thủy điện H'Chan

Công suất 12 MW

Địa chỉ: xã Đê Ar, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Nhà máy được khởi công xây dựng từ năm 2002 và hoàn thành đưa vào khai thác vận hành từ tháng 09/2006 với sản lượng điện trung bình hàng năm là 55 triệu kWh.



Nhà máy thủy điện H'Mun

Công suất 16,2 MW

Địa chỉ: xã Bar Maih, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

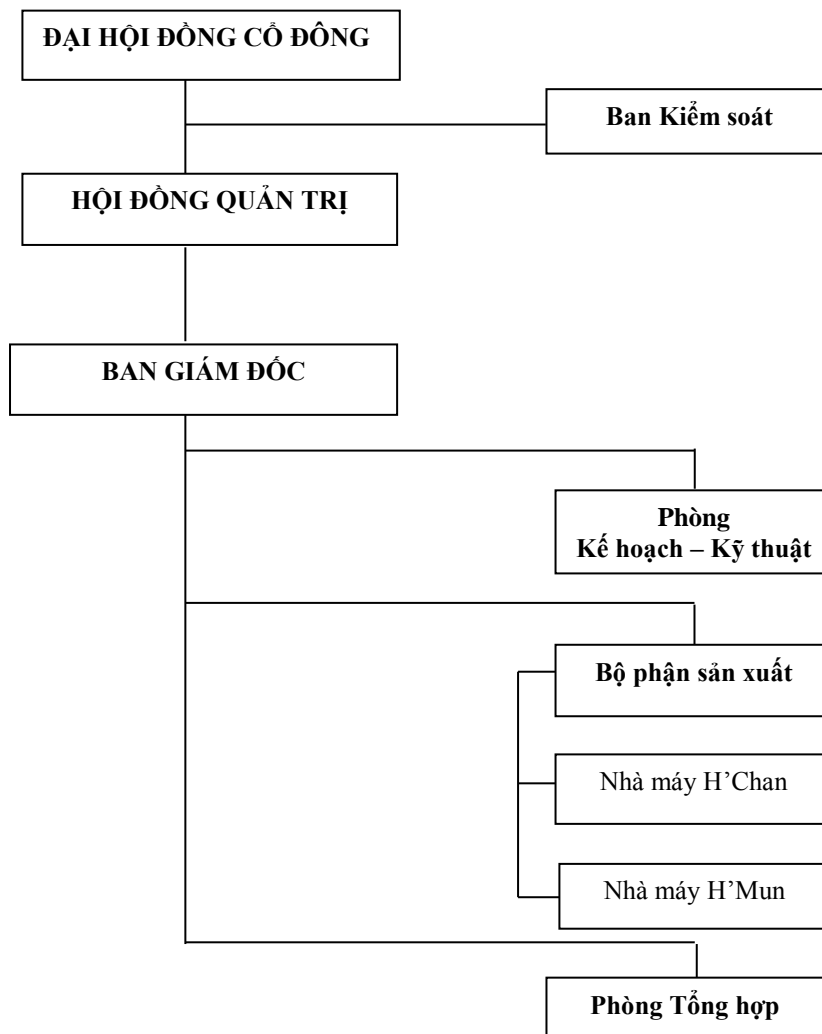
Nhà máy được chính thức thi công xây dựng vào tháng 08/2007. Đến ngày 02/01/2011, nhà máy thủy điện H'Mun chính thức khánh thành, với sản lượng điện trung bình hàng năm là 66 triệu kWh.

- Sản lượng điện và doanh thu trong các năm 2014 và năm 2015 của Công ty như sau :

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1	Sản lượng kế hoạch (triệu kWh)	139,65	113,26
2	Sản lượng thực hiện (triệu kWh)	124,30	93,52
3	Tỷ lệ thực hiện (%)	89	82,57
4	Doanh thu bán điện (triệu đồng)	125.174	119.539

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý của Công ty

3.1. Mô hình quản trị:



- **Đại hội đồng cổ đông:** gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có quyền thông qua quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển và kế hoạch phát triển kinh doanh hàng năm của Công ty; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; và các quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cho ĐHĐCĐ quản trị Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **Ban kiểm soát:** gồm 3 thành viên, gọi là Kiểm soát viên do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ là 5 năm. Kiểm soát viên là những người thay mặt cổ đông để kiểm tra tính hợp lý, hợp

pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh Công ty; trong ghi chép sổ sách kế toán tài chính của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- **Ban Giám đốc:** là cấp quản lý điều hành hoạt động của Công ty, đứng đầu là Giám đốc do HĐQT lựa chọn và bổ nhiệm; chủ động điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả theo Nghị quyết của HĐQT, Điều lệ công ty, qui định của UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và pháp luật.

- **Các phòng/ban nghiệp vụ:**

Phòng tổng hợp: Thực hiện lập kế hoạch tài chính cho công ty, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Công ty, lập các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản lý và theo chế độ quy định, đồng thời chịu trách nhiệm các hoạt động liên quan đến nhân sự, đào tạo, hành chính, quản lý tài sản Công ty.

Phòng kế hoạch – kỹ thuật: Xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất và xây dựng cơ bản, kế hoạch duy trì, bảo dưỡng và tổng hợp kế hoạch triển khai các dự án đầu tư của Công ty; quản lý công tác kỹ thuật.

Bộ phận sản xuất: tổ chức quản lý điều hành sản xuất các nhà máy thủy điện liên tục – an toàn – hiệu quả theo kế hoạch sản lượng hàng năm của Công ty.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

❖ **Hội đồng quản trị:**



Ông Lê An Khang
Chủ tịch HĐQT



Ông Nguyễn Đình Tuấn
Thành viên HĐQT



Ông Đinh Châu Hiếu Thiện
Thành viên HĐQT



Ông Trần Đình Lợi
Thành viên HĐQT



Ông Hà Nguyên Hoàng
Thành viên HĐQT

❖ Ban Kiểm soát:



Ông Hàn Phi Hải
Trưởng BKS



Bà Vũ Thị Kiều Vân
Thành viên BKS



Bà Đỗ Vũ Hải Hà
Thành viên BKS

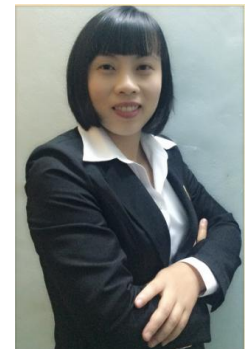
❖ Ban Điều hành:



Ông Trịnh Vinh Thanh
Giám Đốc



Ông Đoàn Văn Sơn
Phó Giám Đốc



Bà Võ Thị Tuyết Diệp
Phụ trách kế toán

3.3. Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	<p>Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú</p> <p>❖ Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng – P.Vỹ Dạ - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>❖ Ngành nghề kinh doanh:</p> <p>Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Lắp đặt</p>	45.000	15%

STT	Tên công ty – Địa chỉ - Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	<p>hệ thống điện; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Dịch vụ lưu trú ngắn hạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, Thiết kế các công trình thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, Kỹ sư định giá hạng 2; Lập dự án đầu tư và quy hoạch các công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi – thủy điện, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu và lựa chọn nhà thầu</p>		
2	<p align="center">Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 189 Phạm Văn Đồng – P.Vỹ Dạ - TP Huế - tỉnh Thừa Thiên Huế. ❖ Ngành nghề kinh doanh: <p>Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình công nghiệp, xây dựng công trình điện, công trình thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình giao thông đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.</p>	12.000	30%
3	<p align="center">Công ty TNHH GKC</p> <ul style="list-style-type: none"> ❖ Địa chỉ: 478 Duy Tân, TP Kon Tum, tỉnh Kon Tum. ❖ Ngành nghề kinh doanh: <p>Sản xuất truyền tải và phân phối điện; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công nghiệp, điện, thủy lợi, cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Cung ứng lao động tạm thời (lao động trong nước); Cung ứng và quản lý nguồn lao động (lao động trong nước); Kinh doanh xuất nhập khẩu.</p>	100	0,07%

4. Định hướng phát triển

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển hoạt động của nhà máy thủy điện H'Chan và H'Mun trong các năm sắp tới, trong năm 2016 và những năm tiếp theo Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm một số dự án thủy điện khác trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên có hiệu quả cao theo hình thức tham gia đầu tư trực tiếp hoặc liên doanh góp vốn đầu tư nhằm mở rộng phát triển công ty.
- Xác định được yếu tố con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công của GHC, chính vì vậy Công ty không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nhân viên kỹ thuật lành nghề để chủ động tiếp cận những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng thị trường. Từ chỗ phải thuê các chuyên gia nước ngoài làm tư vấn, thiết kế công trình; chỉ đạo thi công xây lắp và trực tiếp căn chỉnh máy móc, thiết bị kỹ thuật quan trọng, chạy thử liên động, hoặc có tải; đến nay các chuyên gia cán bộ kỹ thuật và công nhân giỏi nghề, giàu kinh nghiệm của Công ty đã cơ bản đảm trách được công việc một cách an toàn, hiệu quả, tạo tiền đề cho việc phát triển các hoạt động tư vấn xây dựng theo định hướng phát triển lâu dài.
- Hiện tại sản phẩm chính của Công ty là điện thương phẩm và việc tiêu thụ điện đã được đảm bảo bởi Hợp đồng mua bán điện dài hạn được ký giữa Công ty và Công ty Điện lực 3 (nay là Tổng Công ty điện lực Miền Trung). Do đó các hoạt động marketing của Công ty trong tương lai gần chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực khác mà Công ty đang dự định hướng đến.
- Phương châm của Công ty trong xây dựng mối quan hệ khách hàng là uy tín, cam kết chất lượng sản phẩm, hỗ trợ lẫn nhau tìm giải pháp để cùng tháo gỡ khó khăn trong kinh doanh. Công ty cũng chú trọng nâng cao hình ảnh thương hiệu của mình thông qua các kênh thông tin đại chúng như báo chí, phát thanh và truyền hình địa phương khi tổ chức các sự kiện quan trọng của Công ty cũng như chú trọng cập nhật website của Công ty.
- Thành lập ngày 02/06/2008 trên cơ sở hạ tầng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai, Công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế hay bản quyền nào. Trong thời gian sắp tới Công ty sẽ tiến hành đăng ký bản quyền thương hiệu và logo của mình.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Sản lượng điện: Đặc thù của Công ty là hoạt động trong lĩnh vực thủy điện do đó điều kiện thời tiết là yếu tố rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thị trường tiêu thụ: sản lượng điện phát ra tại các nhà máy đều bán cho một khách hàng duy nhất là Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) nên các rủi ro về yếu tố cạnh tranh, thị trường tiêu thụ ở thời điểm hiện tại không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Công ty.

- Nhu cầu điện hiện nay: do nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển nhanh nên nhu cầu điện cao hơn so với nguồn cung sản xuất điện. Tuy nhiên trong trường hợp nền kinh tế quốc gia không ổn định sẽ ảnh hưởng tới nhu cầu sử dụng điện năng đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất.
- Giá bán điện: đây là yếu tố ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện nay biểu giá bán điện cho EVN được nhà nước ban hành từng năm và phụ thuộc nhiều vào chính sách điều hành vĩ mô của nhà nước.

5.2. Rủi ro thực hiện các mục tiêu của Công ty:

- Khủng hoảng tài chính, biến động trong chính sách điều hành vĩ mô: quá trình triển khai các dự án trọng điểm của Công ty sẽ hoàn tất theo đúng tiến độ khi không có biến động về chính sách quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xây dựng công trình thủy điện như: thủ tục pháp lý, cấp phép đầu tư, vận hành khai thác... Trong trường hợp các vấn đề trên có biến động theo chiều hướng xấu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ xây dựng và hoàn thành các nhà máy thủy điện.
- Biến động lãi suất, tỷ giá sẽ làm ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư phát triển mới các nhà máy thủy điện.

PHẦN B: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

Trong năm 2015 thời tiết khô hạn kéo dài (hạn hán nhất trong vòng 03 năm trở lại đây), lượng nước về phục vụ cho công tác phát điện rất ít dẫn đến sản lượng và doanh thu bán điện giảm đáng kể so với kế hoạch và năm 2014.

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	KH 2015	KHĐC 2015	TH 2015	TH 2014	TH/KHĐC (%)	TH2015/TH2014 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(4)	(8)
	Điện thương phẩm (tr.kWh)	131,98	113,26	93,52	124,30	82,57	75,24
1	Doanh thu thuần	139,93	125,97	119,54	125,17	94,90	95,50
2	Giá vốn hàng bán	39,65	47,30	48,57	44,46	102,68	109,24
3	Lợi nhuận gộp	100,28	78,67	70,97	80,71	90,21	87,93
4	Doanh thu HĐTC	2,10	1,93	7,97	2,00	412,95	398,50
5	Chi phí HĐTC	5,22	4,94	5,24	13,13	106,07	39,91
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>4,94</i>	<i>4,94</i>	<i>4,95</i>	<i>13,01</i>	<i>100,20</i>	<i>38,05</i>
6	Chi phí bán hàng	0,00	0,00				
7	Chi phí QLDN	4,81	4,49	4,28	4,74	95,32	90,30
8	LN thuần từ HĐKD	92,35	71,17	69,42	64,84	97,54	107,06
9	Lợi nhuận khác	0,00	0,00	(0,05)	(0,08)		62,67
10	Lợi nhuận trước thuế	92,35	71,17	69,37	64,77	97,48	107,11
11	Thuế TNDN hiện hành	12,48	3,59	6,32	9,00	176,04	70,22
12	Lợi nhuận sau thuế	79,87	67,58	63,05	55,77	93,30	113,07

- Trong năm 2015 Công ty đã hoàn thành thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp dự án mang về một khoảng lợi nhuận 5,7 tỷ đồng làm cho doanh thu động tài chính năm 2015 tăng 412,95% so với kế hoạch điều chỉnh và 398,5% so với thực hiện năm 2014.
- Chi phí tài chính thực hiện năm 2015 cũng giảm 39,91% so với năm 2014, do cuối năm 2014 Công ty đã thực hiện tái cơ cấu một số khoản nợ vay dài hạn.
- Bên cạnh đó dự án thủy điện H'Mun được hưởng ưu đãi thuế TNDN áp dụng đối với dự án đầu tư mở rộng theo thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. Do đó, mặc dù sản lượng và doanh thu bán điện năm 2015 đạt thấp hơn so với kế hoạch và năm 2014 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2015 vượt 13% so với năm 2014.

2. Tổ chức và nhân sự:
2.1. Danh sách Ban Điều hành:

STT	Họ tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc
2	Ông Đoàn Văn Sơn	Phó Giám đốc
3	Bà Võ Thị Tuyết Điệp	Phụ trách Kế toán

2.2. Sơ yếu lý lịch:**❖ Giám đốc công ty:**

Họ và tên:	Trịnh Vinh Thanh
Ngày tháng năm sinh:	08/05/1977
CMND:	Số: 230511171, ngày cấp: 11/12/2010, nơi cấp: Gia Lai
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Xã Hoà Sơn, huyện Hoà Nhơn, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú:	Hoàng Văn Thái, P.Hoa Lư, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
<i>Năm 2000</i>	<i>Tốt nghiệp Đại học Bách Khoa Đà Nẵng</i>
<i>Từ năm 2000 đến 30/5/2001</i>	<i>Làm việc tại XN tư doanh Hoàng Anh Gia Lai</i>
<i>Từ 01/06/2001 đến tháng 4/2002</i>	<i>Làm việc tại NMTĐ A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 5/2002 đến 10/2004</i>	<i>Làm việc tại Phòng Kỹ thuật – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2004 đến 10/2005</i>	<i>Trạm phó thủy điện A Yun Hạ - Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 11/2005 đến 10/2010</i>	<i>Phó phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 10/2010 đến 31/12/2012</i>	<i>Phó phòng Quản lý sản xuất – Công ty CP Điện Gia Lai</i>
<i>Từ tháng 01/01/2013 đến nay</i>	<i>Phó phòng Kỹ thuật – Sản xuất</i>
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty:	Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
+ Đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu:	5.000 cổ phần, chiếm 0,024% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC:	Không
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

❖ Phó Giám đốc:

Họ và tên:	Đoàn Văn Sơn
Ngày tháng năm sinh:	12/04/1973
Nơi sinh:	Xã Đại Quang – Đại Lộc – Quảng Nam
CMND:	số 230887894 tại Gia Lai, cấp ngày 03/4/2008
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh



Quê quán: Xã Đại Quang – Đại Lộc – Quảng Nam
Địa chỉ thường trú: Tổ 14 – P.Hội Phú – Pleiku – Gia Lai
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy lợi, thủy điện
Quá trình công tác:
Từ năm 08/1998 – 07/2003 Công tác tại Công ty Điện Gia Lai
Từ 08/2003 đến nay Công tác tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển Điện Gia lai (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai)
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ 15.000 cổ phần, chiếm 0,073% vốn điều lệ
(thời điểm 31/12/2015):
+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,073% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

❖ **Phụ trách Kế toán:**

Họ và tên: **Võ Thị Tuyết Diệp**
Ngày tháng năm sinh: 15/04/1985
Nơi sinh: Bình Định
CMND: số 231156404, tại Gia Lai, cấp ngày 08/02/2014
Quốc tịch: Việt Nam
Dân tộc: Kinh
Quê quán: Xã Mỹ hòa, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định
Địa chỉ thường trú: Lê Duẩn – Pleiku – Gia Lai
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
Quá trình công tác:
Từ tháng 12/2006 đến tháng 7/2015 Kế toán Công ty TNHH đầu tư và phát triển Điện Gia Lai (nay là Công ty cổ phần thủy điện Gia Lai)
Từ tháng 08/2015 đến nay Phụ trách kế toán – Công ty CP thủy điện Gia Lai

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phụ trách Kế toán

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ : 2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 2.600 cổ phần, chiếm 0,013% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của GHC: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.3. Những thay đổi trong Ban Điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Trịnh Vinh Thanh	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
2	Nguyễn Ngọc Linh	Giám đốc	bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015 và từ nhiệm ngày 20 tháng 11 năm 2015
3	Lê Văn Minh	Giám đốc	từ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2015
4	Trần Minh Đức	Kế toán trưởng	từ nhiệm ngày 31/07/2015
5	Võ Thị Tuyết Diệp	PT Kế toán	Bổ nhiệm ngày 31/07/2015

2.4. Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2015:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2015: 54 CBCNV.

Cơ cấu lao động như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo trình độ			
1	Cán bộ có trình độ trên đại học	0	0
2	Cán bộ có trình độ đại học	9	16,67
3	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	34	62,96
4	Nhân viên kỹ thuật	10	18,52
5	Lao động phổ thông/lao động khác	01	1,85

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân loại theo phòng ban chức năng			
1	Ban Giám đốc	02	3,70
2	Phòng Tổng hợp	05	9,26
3	Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật	02	3,70
4	Bộ phận sản xuất	45	83,34
Tổng cộng		54	100

- Chính sách đối với người lao động:

- Quan tâm đến chế độ, đời sống CBCNV, tạo điều kiện để hoạt động thuận lợi và phối hợp tốt với công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác.
- Chú trọng việc đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề vì đó là nhân tố quan trọng trong việc tồn tại và phát triển một doanh nghiệp.
- Cam kết và đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: ký kết hợp đồng lao động, đóng BHYT, BHXH, BHTN, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động, tổ chức cho CBCNV tham quan du lịch hàng năm.
- Quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên được bồi dưỡng, học tập nâng cao kiến thức về trình độ chuyên môn bằng cách thức phù hợp như đào tạo tại chỗ, gửi đi các khóa đào tạo chuyên môn ngắn và dài hạn trong nước; tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện đang hoạt động trong hệ thống GEC Group nhằm tích lũy và nâng cao trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc.
- Chính sách lương thưởng: Đối với CBNV Bộ phận sản xuất Công ty áp dụng chính sách trả lương khoán theo doanh thu, CBNV khối văn phòng hưởng lương theo ngạch/bậc công việc.
- Ngoài mức lương khoán, Công ty khuyến khích lao động bằng khoản thưởng vào những ngày lễ, tết và các dịp đặc biệt. Chính sách trợ cấp bao gồm trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động. Hiện nay, Công ty đang tiến hành điều chỉnh chính sách khen thưởng mới thông qua trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi để kịp thời động viên và khuyến khích người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Các khoản đầu tư lớn: không

3.2 Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:

- a. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cổ phần Thủy điện Thượng Lộ:

Nhà máy thủy điện Thượng Lộ chính thức được Tổng Công ty Điện lực Miền Trung công nhận thương mại lúc 15h30 ngày 11/10/2015. Đến 24h ngày 31/12/2015, sản lượng và doanh thu phát điện của nhà máy như sau:

TT	Tháng	Sản lượng (kWh)	Doanh thu (triệu đồng)	Ghi chú
1	Tháng 10/2015	1,389,605	837	Giá điện mùa mưa
2	Tháng 11/2015	2,038,405	2,633	Giá điện mùa khô
3	Tháng 12/2015	1,579,282	2,746	Giá điện mùa khô
	Tổng	5,007,292	6,216	

- b. Tóm tắt về tình hình thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Alin B1:

- ❖ Trong năm 2015 đã triển khai các hạng mục đường dây 22kV, đường dây tải điện 110kV, đường giao thông 71, đường hầm số 1, xây dựng khu đầu mối Alin 3, xây dựng đập Alin B1 & kênh dẫn ra... Hiện tiến độ triển khai dự án luôn bám sát để hoàn thành mục tiêu đưa dự án vào vận hành thương mại cuối năm 2017.
- ❖ Công tác giải ngân: Giá trị thực hiện (triệu đồng)

TT	Diễn giải	Giá trị thực hiện	
		Năm 2015	Luỹ kế
1	Chi phí xây dựng và thiết bị	92.753	142.153
2	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	18.727	37.297
3	Chi phí QLDA	4.729	17.152
4	Chi phí tư vấn xây dựng	5.695	35.895
5	Chi phí lãi vay	753	753
6	Chi phí khác	5.108	5.949
	Tổng cộng	127.765	239.200

- ❖ Công tác tài chính, vốn dự án:
 - Vốn góp cổ đông: Đã huy động đến nay đạt 177,145 tỷ đồng
 - Vốn vay: Đã ký Hợp đồng tín dụng tài trợ vốn thực hiện Dự án thủy điện Alin B1 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1 TP Hồ Chí Minh ngày 08/06/2015, hạn mức vay: 947 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính của Công ty năm 2015:
4.1 Báo cáo tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	427.596	417.013	-2,47%
2	Doanh thu thuần	125.174	119.539	-4,5%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.845	69.420	+7,05%
4	Lợi nhuận khác	(76)	(48)	+36,84%
5	Lợi nhuận trước thuế	64.769	69.373	+7,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	55.767	63.054	+13,06%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.698	3.000	-36,14%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	30%	+20%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,324	1,12
▪ Hệ số thanh toán nhanh	1,295	1,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,33	0,30
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,29
▪ Vòng quay hàng tồn kho	18,07	20,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,45	0,53
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,19	0,21
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,13	0,15
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,52	0,58

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:
5.1. Cổ phần: Đến thời điểm 31/12/2015, cổ phần đang lưu hành như sau:

- Tổng số cổ phần : 20.500.000 cổ phần
- Loại cổ phần lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 20.250.000 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng có điều kiện: 250.000 cổ phần

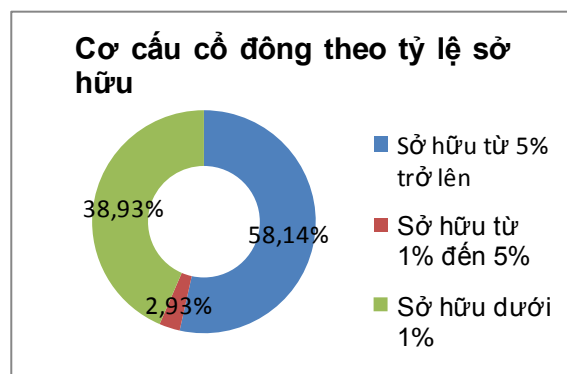
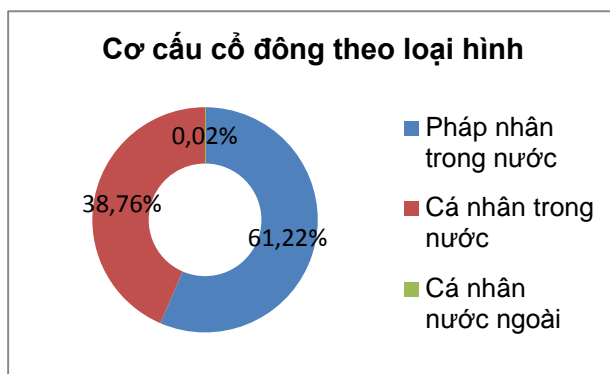
5.2. Cơ cấu cổ đông: Đến thời điểm 31/12/2015, cơ cấu cổ đông như sau:

- Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Pháp nhân trong nước	05	61,22	125.500.000.000
Cá nhân trong nước	4.217	38,76	79.461.690.000
Cá nhân nước ngoài	04	0,02	38.310.000
Cộng	4.226	100	205.000.000.000

- Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (CĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (đồng)
Sở hữu từ 5% trở lên	01	58,14	119.193.640.000
Sở hữu từ 1% đến 5%	01	2,93	6.000.000.000
Sở hữu dưới 1%	4.224	38,93	79.806.360.000
Cộng	4.226	100	205.000.000.000


5.3. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không
5.4. Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu**

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, truyền tải, phân phối và bán lẻ điện năng nên không có nguồn nguyên vật liệu.
- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty sử dụng năng lượng điện phát ra từ các nhà máy thủy điện hoặc mua điện từ lưới điện quốc gia để phục vụ sản xuất, vận hành phát điện bao gồm điện tự dùng chiếu sáng, sinh hoạt của cán bộ nhân viên; khu làm việc; điện năng phục vụ vận hành, sửa chữa thiết bị, vận hành thao tác đóng mở thiết bị phụ trong các nhà máy thủy điện.
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

Công ty không tiêu thụ nước trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Không có.
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của nhà nước về bảo vệ môi trường, thực hiện chương trình giám sát môi trường định kỳ đối với các nhà máy thủy điện trong Công ty, thực hiện thu gom và xử lý chất thải nguy hại theo quy định và thực hiện báo cáo định kỳ đầy đủ cho cơ quan chức năng. Công ty thực hiện các chương trình trồng cây xanh, trồng cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, thân thiện với môi trường. Công ty thực hiện đầy đủ việc trồng rừng thay thế cho các diện tích đất rừng đã sử dụng vào các dự án thủy điện của Công ty và nộp đầy đủ tiền thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định của Pháp luật. Do đó, trong năm 2015, Công ty không bị xử phạt vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

Tổng số CBCNV toàn công ty là 54 người. Trong đó Giám đốc, Phó Giám đốc, trưởng phòng KH-KT, Trưởng BPSX, Phó Phòng Tổng hợp, CB quản lý cổ đông, công bố thông tin làm kiêm nhiệm. Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật: 2 người; phòng Tổng hợp: 4 người và Bộ phận sản xuất: 45 người.

- Tiền lương của người lao động toàn Công ty trong năm 2015 giảm so với năm 2014 do ảnh hưởng bởi doanh thu bán điện năm 2015 giảm. Bình quân tiền lương của CBCNV toàn công ty đạt 9 triệu đồng/người/tháng.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Công ty có những chính sách đảm bảo duy trì các quyền lợi chính đáng cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng lao động đối với người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật lao động như: trích nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn.
 - Xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đảm bảo tiêu chuẩn xanh, sạch, đẹp. Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, tập huấn công tác an toàn, vệ sinh lao động cho toàn thể CBCNV.
 - Ngoài ra, hàng năm Công ty đều tạo điều kiện cho CBCNV được tham gia khám sức khỏe, tham quan nghỉ mát, khuyến khích CBCNV nghỉ phép để phục hồi sức lao động. Phối hợp với Công đoàn, đoàn thanh niên tổ chức các phong trào thể thao, văn hóa, văn nghệ, chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV.
- Hoạt động đào tạo người lao động
 - Nhận thức được tầm quan trọng trong công tác đào tạo đội ngũ CBCNV, Công ty đã xây dựng kế hoạch tổng thể đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng đối với cán bộ, chuyên viên và đào tạo phát triển công nhân kỹ thuật lành nghề, công nhân chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty. Chú trọng công tác đào tạo nội bộ, đồng thời thường xuyên cử CBCNV tham gia các khóa đào tạo bên ngoài nhằm đảm bảo CBCNV có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.
 - Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty chú trọng đến công tác đầu tư đào tạo phát triển nguồn nhân lực đặc biệt công tác xây dựng lực lượng kế thừa có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để phát huy hiệu quả hoạt động của Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Với quan niệm: Thực hiện trách nhiệm xã hội, vừa là đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội, vừa là một lợi ích tự thân, củng cố khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, nơi mà các chuẩn mực đạo đức trong kinh doanh đã trở thành một hàm lượng bắt buộc trong từng sản phẩm. Trong năm 2015, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động vì cộng đồng tại địa phận đóng chân của 02 nhà máy như: đóng góp quần áo cũ, giúp đỡ dân địa phương làm đường an sinh ... nhằm đóng góp phần nào vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương, tương thân tương ái, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Nhà máy thủy điện H' Chan và H'Mun căn cứ chủ trương của địa phương và kế hoạch tưới tiêu mùa vụ của nông dân xây dựng kế hoạch sử dụng nước hợp lý vừa đảm bảo phát điện và đáp ứng nhu cầu thủy lợi tưới tiêu của người dân.

PHẦN C: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015:

a. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của HĐQT, cùng với sự hăng say, nhiệt tình trong công việc, trình độ chuyên môn của CBCNV ngày càng được nâng cao đáp ứng nhu cầu quản lý vận hành an toàn và liên tục cho cả 02 Nhà máy.
- Giá điện theo biểu giá chi phí tránh được năm 2015 tăng hơn so với năm 2014, đồng thời loại trừ được 02 khoản thuế, phí: thuế tài nguyên nước và phí môi trường rừng. Ngoài ra, dự án thủy điện H'Mun được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính. Do đó, mặc dù sản lượng năm 2015 đạt thấp hơn so với năm 2014 nhưng lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2015 vượt 13% so với năm 2014.
- Giá bán điện bình quân của năm 2015 đạt được cao hơn so với năm 2014. Cụ thể như sau:
 - + Thủy điện H'Chan : 1.122/984 (đồng/kWh)
 - + Thủy điện H'Mun : 1.144/1.025 (đồng/kWh)

b. Khó khăn:

- Trong năm 2015 thời tiết khô hạn kéo dài (hạn hán nhất trong vòng 03 năm trở lại đây), lượng nước về phục vụ cho công tác phát điện rất ít dẫn đến sản lượng và doanh thu giảm đáng kể so với kế hoạch và các năm.
- Công tác quản lý cổ đông và chi trả cổ tức gặp khá nhiều khó khăn do số lượng cổ đông Công ty khá lớn lại sở hữu số lượng cổ phiếu ít và chưa niêm yết, còn rất nhiều cổ đông không quan tâm thực hiện thủ tục đăng ký nhận cổ tức để Công ty kịp thời chi trả cho cổ đông.

c. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Khoản mục	KH 2015	KHĐC 2015	TH 2015	TH 2014	TH/KHĐC (%)	TH2015/TH2014 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(5)/(4)	(8)
	Điện thương phẩm (tr.kWh)	131,98	113,26	93,52	124,30	82,57	75,24
1	Doanh thu thuần	139,93	125,97	119,54	125,17	94,90	95,50
2	Giá vốn hàng bán	39,65	47,30	48,57	44,46	102,68	109,24
3	Lợi nhuận gộp	100,28	78,67	70,97	80,71	90,21	87,93
4	Doanh thu HĐTC	2,10	1,93	7,97	2,00	412,95	398,50
5	Chi phí HĐTC	5,22	4,94	5,24	13,13	106,07	39,91
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>4,94</i>	<i>4,94</i>	<i>4,95</i>	<i>13,01</i>	<i>100,20</i>	<i>38,05</i>
6	Chi phí bán hàng	0,00	0,00				
7	Chi phí QLDN	4,81	4,49	4,28	4,74	95,32	90,30
8	LN thuần từ HĐKD	92,35	71,17	69,42	64,84	97,54	107,06
9	Lợi nhuận khác	0,00	0,00	(0,05)	(0,08)		62,67
10	Lợi nhuận trước thuế	92,35	71,17	69,37	64,77	97,48	107,11
11	Thuế TNDN hiện hành	12,48	3,59	6,32	9,00	176,04	70,22
12	Lợi nhuận sau thuế	79,87	67,58	63,05	55,77	93,30	113,07

d. Kết quả thực hiện một số nội dung quan trọng trong năm 2015:

- Luôn chủ động thực hiện công tác kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng và vận hành thiết bị cơ điện nhà máy, trạm biến áp, đường dây và các hạng mục công trình thủy công, công tác kiểm tra việc vận hành an toàn máy móc thiết bị, nhà xưởng và các hạng mục công trình thủy công;
- Thực hiện phương án phối hợp điều tiết nguồn nước với nhà máy thủy điện Ayun Thượng 1A;
- Chủ động thực hiện một số hạng mục sửa chữa, bảo dưỡng chính để đảm bảo công tác vận hành an toàn, liên tục;
- Di dời hệ thống đo đếm điện năng NMTĐ H'Chan từ Trạm trung gian 35kV Trà Bá về trạm biến áp 35kV NMTĐ H'Chan;
- Chủ động thực hiện công tác mua sắm các vật tư, thiết bị dự phòng phục vụ sản xuất;
- Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo đột xuất và định kỳ đến các Sở Ban ngành;
- Công ty đã tiến hành rà soát, điều chỉnh và bổ sung một số văn bản lập quy của Công ty để phù hợp với điều kiện hiện tại của Công ty;
- Công tác thu hồi công nợ tiền bán điện kịp thời; trả gốc, lãi vay cho các ngân hàng theo đúng kỳ hạn. Ngoài ra với nguồn tiền nhàn rỗi, Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn, cho vay ngắn hạn với lãi suất bằng hoặc cao hơn lãi suất ngân hàng làm tăng doanh thu hoạt động tài chính của Công ty;
- Chuyển nhượng vốn góp dự án mang về một khoảng thu nhập tương đối cho GHC;
- Công ty đã tiến hành chốt danh sách thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2015 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 27,5%/cổ phần.

2. Tình hình tài chính của Công ty năm 2015:
2.1. Báo cáo tình hình tài chính:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	427.596	417.013	-2,47%
2	Doanh thu thuần	125.174	119.539	-4,5% %
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	64.845	69.420	+7,05%
4	Lợi nhuận khác	(76)	(48)	+36,84%
5	Lợi nhuận trước thuế	64.769	69.373	+7,1%
6	Lợi nhuận sau thuế	55.767	63.054	+13,06%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	4.698	3.000	-36,14%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	30%	+20%

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
--------------	----------	----------

1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

▪ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,324	1,12
▪ Hệ số thanh toán nhanh	1,295	1,10
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
▪ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,33	0,30
▪ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,49	0,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,29	0,29
▪ Vòng quay hàng tồn kho	18,07	20,40
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/DTT	0,45	0,53
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	0,19	0,21
▪ Hệ số lợi nhuận sau thuế/TTS	0,13	0,15
▪ Hệ số lợi nhuận HĐKD/DTT	0,52	0,58

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016:

3.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2016:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2015	KH 2016/ TH 2015 (%)
1	Điện thương phẩm	Tr. kWh	120,49	93,52	129%
2	Tổng doanh thu	tỷ. đồng	141,36	127,51	110,86
2.1	Doanh thu bán điện	“	139,39	119,54	116,61
-	<i>Bán điện</i>		<i>129,16</i>	<i>106,07</i>	<i>121,77</i>
-	<i>Thuế TN, Phí MT rừng</i>		<i>10,23</i>	<i>13,47</i>	<i>75,95</i>
2.2	Doanh thu tài chính	“	1,97	7,97	24,72
2.3	Thu nhập khác	“	0	0	0
3	Tổng chi phí	“	52,23	58,15	89,82
3.1	Giá vốn hàng bán	“	44,16	48,57	90,92
	<i>Trong đó:</i>				
	<i>- Thuế TN, Phí MT rừng</i>	“	<i>10,23</i>	<i>13,47</i>	<i>75,95</i>
3.2	Chi phí tài chính	“	3,54	5,24	67,56
3.3	Chi phí quản lý DN	“	4,53	4,29	105,59
3.4	Chi phí khác	“	0	0,05	
4	Lợi nhuận trước thuế	“	89,13	69,36	128,50
5	Thuế TNDN	“	7,30	6,31	115,69
6	Lợi nhuận sau thuế	“	81,83	63,05	129,79

3.2. Giải pháp thực hiện:**❖ Sản xuất kinh doanh điện năng:**

- Tăng cường và chủ động kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị nhà máy, Trạm biến áp và đường dây truyền tải điện. Bảo đảm các nhà máy hoạt động thường xuyên, liên tục, không để xảy ra sự cố do chủ quan gây ra.
- Chủ động trong công tác phối hợp điều tiết nước phát điện giờ cao điểm mùa khô để tăng hiệu quả vận hành cho 2 nhà máy.
- Tiếp tục áp dụng hiệu quả chế độ kiểm tra máy móc theo các danh mục kiểm tra đã được Công ty ban hành.
- Xây dựng cơ chế thống kê về suất sự cố và đánh giá lại vật tư, thiết bị dự phòng trong các năm trước để có sự chuẩn bị chu đáo hơn, vừa đảm bảo tiết kiệm cho Công ty vừa đảm bảo khắc phục nhanh các sự cố xảy ra.

❖ Công tác tài chính:

- Cân đối dòng tiền để trả nợ gốc và lãi vay các khoản đúng hạn, sử dụng nguồn tiền một cách tối ưu, hiệu quả nhất.
- Tiếp tục đảm bảo công tác chi trả cổ tức cho các cổ đông nhỏ lẻ.

❖ Nhân sự - tiền lương:

- Tăng cường công tác đào tạo đặc biệt là đào tạo nội bộ, đào tạo chuyên môn, tay nghề, thi sát hạch an toàn, thi nâng bậc...
- Phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo, khuyến khích và biểu dương các cá nhân có thành tích đóng góp cho Công ty.

❖ Công tác lập quy:

- Tiếp tục phát huy, áp dụng có hiệu quả hệ thống văn bản lập quy hiện có của Công ty.
- Rà soát, cập nhật, hiệu chỉnh và sửa đổi một số văn bản lập quy, quy trình để phù hợp với thực tế của Công ty như: Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế lương

❖ Công tác chuyển sànlên niên yết:

- Thực hiện nộp hồ sơ niên yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh và chào sànlên trong năm 2016.

PHẦN D: ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Kinh tế - xã hội năm 2015 Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới vẫn đối mặt với nhiều rủi ro lớn với các nhân tố khó lường. Theo Báo cáo của Tổng cục thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2014, cho thấy nền kinh tế phục hồi rõ nét. Tính chung cả năm 2015, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 9,8% so với năm 2014, trong đó, ngành sản xuất và phân phối điện tăng 11,4%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm.

Đối với ngành thủy điện trong năm 2015, tình hình khí tượng thủy văn không thuận lợi, khô hạn kéo dài, tổng lượng dòng chảy đến hồ thấp, nên doanh nghiệp đầu tư thủy điện đặc biệt là các thủy điện vừa và nhỏ gặp không ít khó khăn.

Đứng trước nhiều điều kiện khó khăn, thử thách, với tinh thần quyết tâm Hội đồng quản trị và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty đã nỗ lực không ngừng, cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

- HĐQT hiện có 5 thành viên, đứng đầu là Chủ tịch HĐQT. Trong năm qua, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua 7 cuộc họp, 7 đợt lấy ý kiến bằng văn bản với 14 nghị quyết. HĐQT chỉ đạo hoạt động của Công ty đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra, đã định hướng đúng đắn về công tác đầu tư, hoạch định chiến lược phát triển Công ty. Ban hành các Nghị quyết, Quy chế, Quyết định phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Trong năm qua, HĐQT thôi nhiệm chức vụ giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Ngọc Linh (chuyên công tác khác) và bổ nhiệm ông Trịnh Vinh Thanh thay thế theo quyết định số 23/2015/QĐ-HĐQT ngày 18/11/2015. HĐQT đã thống nhất việc từ nhiệm TV.HĐQT đối với Ông Lê Văn Minh theo nguyện vọng cá nhân và đã bầu bổ sung Ông Lê An Khang vào HĐQT từ ngày 01/01/2015.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Trong năm 2015 Công ty đã ban hành thêm 6 văn bản lập quy, bao gồm: 1 quy chế, 2 quy định và 3 quy trình nhằm tạo hành lang pháp lý giúp cho quá trình quản trị và điều hành của công ty được hiệu quả.
- Ban giám đốc có 2 thành viên, đứng đầu là Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm. Trong năm qua, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện đúng phạm vi trách nhiệm và quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ Công ty; phối hợp chặt chẽ với HĐQT triển khai thực hiện các nội dung nhiệm vụ kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2015 và các chủ trương của HĐQT.
- Ban giám đốc đã triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, đạt được kết quả như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr. kWh	113,26	93,52	82,6%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	127,9	127,5	99,7%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	67,58	63,0	93,3%

- Năm 2015 Công ty đã thực chấp hành tốt nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước. Các khoản thuế nộp Ngân sách gồm: thuế tài nguyên 6.198 triệu đồng, thuế GTGT 10.956 triệu đồng, thuế TNCN 1.260 triệu đồng, thuế TNDN là 5.839 triệu đồng.
- Trong năm 2015, Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông từ kết quả kinh doanh 2015 với mức chi trả 27,5% tương ứng với 56.375 triệu đồng cho các cổ đông.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định của Luật chứng khoán, thực hiện báo cáo, công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán đầy đủ và kịp thời.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2016:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2016, HĐQT đề ra phương hướng hoạt động trong năm 2016 như sau:

- Chỉ đạo Ban điều hành bám sát và thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.
- Tập trung chỉ đạo việc sản xuất điện năng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai công tác niêm yết trên sàn chứng khoán và công tác quản trị công ty đại chúng đảm bảo thực hiện theo các quy định pháp luật, đảm bảo các quyền và lợi ích của cổ đông, tăng tính thanh khoản, khả năng giao dịch của cổ phiếu.
- Chủ động trong công tác phối hợp điều tiết nước phát điện giờ cao điểm mùa khô để tăng hiệu quả vận hành cho 2 nhà máy.
- Thông qua triển khai công tác bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra định kỳ đảm bảo hoàn thành trong mùa khô, để sẵn sàng cho việc phát điện mùa mưa đồng thời để giảm thiểu suất sự cố xảy ra.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh chính của Công ty, tăng cường tìm kiếm cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện vừa và nhỏ có tính khả thi cao trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản lập quy, tạo hành lang pháp lý vững mạnh cho GHC.

- Chú trọng đầu tư cho phát triển công nghệ, nâng cấp hệ thống hạ tầng - công nghệ cho Công ty để từng bước đáp ứng với nhu cầu quản lý hiện đại và phù hợp với mức độ tăng trưởng của Công ty.
- Tập trung cho công tác đào tạo cán bộ, tạo thế mạnh về nguồn nhân lực cho Công ty, hoàn thiện hệ thống lương, thưởng, đánh giá, quy hoạch cán bộ cấp cao và cán bộ quản lý cho Công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ và tổ chức các cuộc họp giao ban với Ban điều hành khi cần thiết để giám sát hoạt động và đảm bảo việc tuân thủ đúng các quyết định của HĐQT.
- Theo dõi tiến độ triển khai công việc thực hiện các dự án mà GHC tham gia góp vốn.
- Tham gia vào hoạt động quản trị, điều hành tại các công ty liên kết nhằm theo dõi và giám sát hiệu quả đầu tư vào các dự án đang và sẽ triển khai trong năm 2016.
- Với những định hướng nêu trên, trong năm 2016 HĐQT sẽ tiếp tục tăng cường chỉ đạo và giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm mang lại hiệu quả cao nhất cho Cổ đông, từng bước chăm lo hơn nữa đến đời sống cán bộ công nhân viên của Công ty.
- Dựa trên tình hình thực tế về thời tiết, Hội đồng quản trị Công ty đã xây dựng, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 cơ bản như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2016	TH 2015	KH 2016/ TH 2015 (%)
1	Điện thương phẩm	Tr. kWh	120,49	93,52	128,84
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	141,36	127,51	110,86
3	Tổng chi phí	“	52,23	58,15	89,82
4	Lợi nhuận trước thuế	“	89,13	69,36	128,50
5	Thuế TNDN	“	7,30	6,31	115,69
6	Lợi nhuận sau thuế	“	81,83	63,05	129,79
7	Chỉ tiêu chia cổ tức tối thiểu	%	30		

PHẦN E: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		100.713.519.428	113.697.832.744
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	67.095.462.041	15.005.651.543
111	1. Tiền		3.895.462.041	15.005.651.543
112	2. Các khoản tương đương tiền		63.200.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		31.254.539.359	96.158.026.293
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.687.273.320	13.761.353.409
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		294.047.150	294.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	82.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		273.218.889	102.672.884
140	III. Hàng tồn kho		2.301.970.810	2.460.424.980
141	1. Hàng tồn kho	6	2.301.970.810	2.460.424.980
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		61.547.218	73.729.928
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	25.632.727	37.680.797
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		35.914.491	36.049.131
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		316.299.193.670	313.898.654.276
220	I. Tài sản cố định		258.191.648.987	278.633.449.029
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	256.745.428.612	277.178.597.954
222	Nguyên giá		392.984.322.886	391.029.732.091
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(136.238.894.274)	(113.851.134.137)
227	2. Tài sản cố định vô hình	8	1.446.220.375	1.454.851.075
228	Nguyên giá		1.492.970.000	1.492.970.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(46.749.625)	(38.118.925)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		12.740.433	-
242	1. Xây dựng cơ bản dở dang		12.740.433	-
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	57.100.000.000	29.877.288.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		12.000.000.000	14.467.148.000
258	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.100.000.000	15.410.140.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		994.804.250	5.387.917.247
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	994.804.250	5.387.917.247
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		417.012.713.098	427.596.487.020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

<i>Mã số</i>	<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		123.073.722.121	140.336.156.018
310	I. Nợ ngắn hạn		89.575.189.290	85.872.265.831
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	185.054.511	317.416.623
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	4.970.830.811	4.336.463.412
314	3. Phải trả người lao động		758.727.548	843.594.320
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		40.000.000	135.228.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	58.806.358.466	53.499.200.056
320	6. Vay ngắn hạn	14	21.197.628.192	21.173.796.096
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.616.589.762	5.566.567.324
330	II. Nợ dài hạn		33.498.532.831	54.463.890.187
338	1. Vay dài hạn	14	33.498.532.831	54.463.890.187
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		293.938.990.977	287.260.331.002
410	I. Vốn chủ sở hữu	15.1	293.938.990.977	287.260.331.002
411	1. Vốn cổ phần		205.000.000.000	205.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		205.000.000.000	205.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		52.499.670.000	52.499.670.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		28.883.472.879	28.883.472.879
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7.555.848.098	877.188.123
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		7.555.848.098	877.188.123
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		417.012.713.098	427.596.487.020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng		119.539.320.793	125.174.368.320
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng	16.1	119.539.320.793	125.174.368.320
11	3. Giá vốn hàng bán	17, 20	48.565.231.454	44.461.229.367
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng		70.974.089.339	80.713.138.953
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	16.2	7.969.258.542	1.997.450.276
22	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	18	5.237.129.136 4.951.395.612	13.130.409.734 13.010.187.964
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19, 20	4.285.807.587	4.735.588.502
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.420.411.158	64.844.590.993
31	9. Thu nhập khác		2.962.909	51.852.927
32	10. Chi phí khác		50.806.468	127.405.079
40	11. Lãi khác		(47.843.559)	(75.552.152)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.372.567.599	64.769.038.841
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	6.318.907.624	9.001.976.781
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		63.053.659.975	55.767.062.060
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.4	3.000	4.698
71	16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	15.4	3.000	4.698

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		69.372.567.599	64.769.038.841
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	7, 8	22.396.390.837	21.647.934.827
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		232.270.836	99.045.450
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	16.2	(7.969.258.542)	(1.997.450.276)
06	Chi phí lãi vay	18	4.951.395.612	13.010.187.964
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		88.983.366.342	97.528.756.806
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(16.823.159.537)	4.702.461.997
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		158.454.170	(665.933.010)
11	Giảm các khoản phải trả		(97.921.803)	(9.149.978.369)
12	Giảm chi phí trả trước		3.419.824.091	5.806.808.106
14	Tiền lãi vay đã trả		(4.951.395.612)	(13.010.187.964)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	21	(5.792.668.108)	(11.005.186.403)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.949.977.562)	(2.303.455.446)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.946.521.981	71.903.285.717
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(981.994.252)	(1.865.551.845)
23	Tiền chi cho vay		-	(92.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		82.000.000.000	26.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(33.589.860.000)	(27.065.985.600)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.140.879.600	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		1.922.308.053	1.997.450.276
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		61.491.333.401	(92.934.087.169)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	157.499.670.000
33	Tiền thu từ đi vay		-	9.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.227.258.784)	(105.397.969.856)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông		(51.120.786.100)	(29.358.418.245)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(72.348.044.884)	31.743.281.899

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

VNĐ

<i>Mã số</i>	<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		52.089.810.498	10.712.480.447
60	Tiền đầu năm		15.005.651.543	4.293.171.096
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	67.095.462.041	15.005.651.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2008 và theo các Giấy CNĐKKD điều chỉnh như sau:

<i>GCNĐKKD điều chỉnh:</i>	<i>Ngày:</i>
<i>Số 3903000196</i>	
Từ lần thứ nhất đến lần thứ ba	Từ năm 2008 đến ngày 2 tháng 4 năm 2013
<i>Số 5900288566</i>	
Từ lần thứ tư đến lần thứ bảy	Từ ngày 18 tháng 10 năm 2013 đến ngày 14 tháng 2 năm 2015
Lần thứ tám	Ngày 2 tháng 4 năm 2015

Hoạt động kinh doanh theo Giấy CNĐKKD của Công ty là xây dựng công trình thủy điện vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 114 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 54 người (31 tháng 12 năm 2014: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Việt Nam đồng (“VNĐ”).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nhiên liệu, công cụ và dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản lãi lỗ nào

phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất lâu dài thì không được trích hao mòn.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	43 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	13 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6-10 năm
Thiết bị truyền dẫn	6-10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 25 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty(VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được ghi nhận như khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

▶ *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán ra và chuyển tải lên lưới điện theo giá bán điện đã thỏa thuận trước.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế

thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	16.337.202	16.896.350
Tiền gửi ngân hàng	3.879.124.839	14.988.755.193
Các khoản tương đương tiền	63.200.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>67.095.462.041</u>	<u>15.005.651.543</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,5% đến 5,2% một năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	<u>30.687.273.320</u>	<u>13.761.353.409</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công cụ, dụng cụ	1.983.640.260	2.072.084.720
Nhiên liệu	318.330.550	388.340.260
TỔNG CỘNG	<u>2.301.970.810</u>	<u>2.460.424.980</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>VNĐ</i>					
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị dụng cụ quản lý</i>	<i>Tài sản cố định khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá						
Số đầu năm	93.478.121.738	154.356.517.195	4.198.648.572	-	38.996.444.586	391.029.732.091
Mua mới trong năm	-	70.702.000	705.011.819	161.650.000	31.890.000	969.253.819
Phân loại lại	-	350.056.976	-	-	635.280.000	985.336.976
Số cuối năm	<u>193.478.121.738</u>	<u>154.777.276.171</u>	<u>4.903.660.391</u>	<u>161.650.000</u>	<u>39.663.614.586</u>	<u>392.984.322.886</u>
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	53.309.398.428	44.825.202.253	907.791.387	-	14.808.742.069	113.851.134.137
Khấu hao trong năm	<u>9.859.978.072</u>	<u>9.015.699.487</u>	<u>439.653.666</u>	<u>6.507.276</u>	<u>3.065.921.636</u>	<u>22.387.760.137</u>
Số cuối năm	<u>63.169.376.500</u>	<u>53.840.901.740</u>	<u>1.347.445.053</u>	<u>6.507.276</u>	<u>17.874.663.705</u>	<u>136.238.894.274</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	<u>140.168.723.310</u>	<u>109.531.314.942</u>	<u>3.290.857.185</u>	<u>-</u>	<u>24.187.702.517</u>	<u>277.178.597.954</u>
Số cuối năm	<u>130.308.745.238</u>	<u>100.936.374.431</u>	<u>3.556.215.338</u>	<u>155.142.724</u>	<u>21.788.950.881</u>	<u>256.745.428.612</u>

Dự án Thủy điện H'Mun của Công ty với giá trị còn lại là 188.438.882.408 VNĐ đã được sử dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VNĐ</i>
	<i>Quyền sử dụng đất</i>
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	<u>1.492.970.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	38.118.925
Hao mòn trong năm	<u>8.630.700</u>
Số cuối năm	<u>46.749.625</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>1.454.851.075</u>
Số đầu năm	<u>1.446.220.375</u>

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun với giá trị còn lại là 1.446.220.375 VNĐ để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng. Chi tiết được thể hiện trong Thuyết minh số 14.

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	12.000.000.000	14.467.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)	<u>45.100.000.000</u>	<u>15.410.140.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>57.100.000.000</u>	<u>29.877.288.000</u>

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Giá mua của khoản đầu tư</i>
	(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (i)	30	12.000.000.000	30	12.000.000.000
Công ty TNHH GKC	-	-	40	2.467.148.000
TỔNG CỘNG		<u>12.000.000.000</u>		<u>14.467.148.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Thượng Lộ (“Thượng Lộ”) là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 3301515921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 2 tháng 4 năm 2013. Thượng Lộ có trụ sở đăng ký tại số 189, Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Thượng Lộ là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(**) Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua của khoản đầu tư
	(%)	VNĐ	(%)	VNĐ
Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (i)	15	45.000.000.000	12,1	15.410.140.000
Công ty TNHH GKC (ii)	0,07	100.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		45.100.000.000		15.410.140.000

(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Trường Phú (“Trường Phú”) là một công ty cổ phần hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 3300507847 do SKHĐT Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 10 tháng 8 năm 2007. Trường Phú có trụ sở đăng ký tại số 189, Đường Phạm Văn Đồng, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoạt động chính của Trường Phú là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(ii) Công ty TNHH GKC (“GKC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên hoạt động theo Giấy CNĐKKD số 6101145316 do SKHĐT Tỉnh Kon Tum cấp ngày 30 tháng 8 năm 2012, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh. GKC có trụ sở đăng ký tại số 478, Đường Duy Tân, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum. Hoạt động chính của GKC là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	25.632.727	37.680.797
Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	954.531.637	5.195.688.780
Công cụ, dụng cụ	40.272.613	192.228.467
	994.804.250	5.387.917.247
TỔNG CỘNG	1.020.436.977	5.425.598.044

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 22</i>)	73.350.631	317.416.623
Công ty Lưới điện Cao thế Miền Trung	70.142.250	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Trung	39.361.630	-
Khác	2.200.000	-
TỔNG CỘNG	<u>185.054.511</u>	<u>317.416.623</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp/ cần trừ	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 21</i>)	2.931.020.453	6.318.907.624	5.792.668.108	3.457.259.969
Thuế tài nguyên	535.700.173	6.031.415.119	6.198.929.857	368.185.435
Thuế giá trị gia tăng	869.742.786	11.957.182.155	11.681.539.534	1.145.385.407
TỔNG CỘNG	<u>4.336.463.412</u>	<u>24.307.504.898</u>	<u>23.673.137.499</u>	<u>4.970.830.811</u>

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	58.013.812.255	52.759.598.355
Phí môi trường rừng	652.535.080	719.146.520
Khác	140.011.131	20.455.181
TỔNG CỘNG	<u>58.806.358.466</u>	<u>53.499.200.056</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>34.568.131.950</i>	<i>28.298.410.000</i>
<i>Phải trả các bên khác</i>	<i>24.238.226.516</i>	<i>25.200.790.056</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. Vay

	<i>VNĐ</i>			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Trả nợ vay</i>	<i>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Số cuối năm</i>
Vay ngân hàng	<u>75.637.686.283</u>	<u>(21.227.258.784)</u>	<u>285.733.524</u>	<u>54.696.161.023</u>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	21.173.796.096			21.197.628.192
<i>Vay dài hạn</i>	54.463.890.187			33.498.532.831

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. **VAY (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Nguyên tệ (Đô la Mỹ)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Mục đích vay</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng tín dụng số 36/2006/HĐTĐ ngày 1 tháng 12 năm 2006	21.000.000.000		12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	8,5	Tài sản và quyền sử dụng đất của Dự án Thủy điện H'Mun
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	4.500.000.000					
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai</i>						
Hợp đồng tín dụng số 08/2006/HĐTĐ ngày 11 tháng 8 năm 2008	25.801.116.613		12 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	8,4	Như trên
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	14.316.000.000					
Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/2006/TDNN-ODA ngày 27 tháng 9 năm 2006	7.895.044.410	360.669	13 năm kể từ ngày hợp đồng	Xây dựng công trình Thủy điện H'Mun	1,7	Như trên
<i>Trong đó:</i>						
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	2.381.628.192	110.976				
TỔNG CỘNG	54.696.161.023					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 21.197.628.192

Vay dài hạn 33.498.532.831

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	100.000.000.000	-	16.718.741.654	2.182.924.171	9.130.286.220	128.031.952.045
Tăng vốn	105.000.000.000	52.499.670.000	-	-	-	157.499.670.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.767.062.060	55.767.062.060
Trích quỹ	-	-	7.193.453.951	2.788.353.103	(9.981.807.054)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.788.353.103)	(2.788.353.103)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(51.250.000.000)	(51.250.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>23.912.195.605</u>	<u>4.971.277.274</u>	<u>877.188.123</u>	<u>287.260.331.002</u>
Năm nay						
Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	205.000.000.000	52.499.670.000	23.912.195.605	4.971.277.274	877.188.123	287.260.331.002
Trình bày lại (Thuyết minh số 26)	-	-	4.971.277.274	(4.971.277.274)	-	-
Số đầu năm (được trình bày lại)	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>-</u>	<u>877.188.123</u>	<u>287.260.331.002</u>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	63.053.659.975	63.053.659.975
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(56.375.000.000)	(56.375.000.000)
Số cuối năm	<u>205.000.000.000</u>	<u>52.499.670.000</u>	<u>28.883.472.879</u>	<u>-</u>	<u>7.555.848.098</u>	<u>293.938.990.977</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.2 Chi tiết vốn cổ phần

	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>		
	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Tỷ lệ</i>
	<i>(VNĐ)</i>	<i>cổ phần</i>	<i>sở hữu</i>	<i>(VNĐ)</i>	<i>cổ phần</i>	<i>sở hữu</i>
			<i>(%)</i>			<i>(%)</i>
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	119.193.640.000	11.919.364	58,14	107.193.640.000	10.719.364	52,29
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.000.000.000	600.000	2,93	6.000.000.000	600.000	2,93
Các cổ đông khác	79.806.360.000	7.980.636	38,93	91.806.360.000	9.180.636	44,78
TỔNG CỘNG	205.000.000.000	20.500.000	100	205.000.000.000	20.500.000	100

15.3 Cổ phiếu

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số cổ phiếu</i> <i>Số đầu năm</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	20.500.000	20.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.500.000	20.500.000

15.4 Lãi trên cổ phiếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế (VND)	63.053.659.975	55.767.062.060
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập (*)	<u>(1.553.659.975)</u>	<u>-</u>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	61.500.000.000	55.767.062.060
Số lượng cổ phiếu bình quân (<i>cổ phiếu</i>)	20.500.000	11.869.863
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- <i>Lãi cơ bản</i>	3.000	4.698
- <i>Lãi suy giảm</i>	3.000	4.698

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và đề xuất này sẽ được xem xét và chấp thuận bởi các cổ đông của Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên, dự kiến được tổ chức vào tháng 3 năm 2016.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

15.5 Cổ tức

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức công bố trong năm	56.375.000.000	51.250.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	51.120.786.100	29.358.418.245

16. DOANH THU

16.1 Doanh thu thuần về bán hàng

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Doanh thu bán điện	<u>119.539.320.793</u>	<u>125.174.368.320</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thực hiện cho bên liên quan (Thuyết minh số 22)</i>	<i>119.539.320.793</i>	<i>125.174.368.320</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập từ thanh lý khoản đầu tư	5.773.731.600	-
Lãi tiền gửi	1.316.869.998	497.128.053
Lãi cho bên liên quan vay (Thuyết minh số 22)	878.656.944	1.500.322.223
TỔNG CỘNG	7.969.258.542	1.997.450.276

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm điện đã bán	48.565.231.454	44.461.229.367

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	4.951.395.612	13.010.187.964

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	285.733.524	116.524.170
Khác	-	3.697.600
TỔNG CỘNG	<u>5.237.129.136</u>	<u>13.130.409.734</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân công	1.974.598.013	2.121.070.260
Chi phí khấu hao và khấu trừ	282.047.985	275.598.048
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	191.511.136	242.902.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.101.793	19.571.132
Chi phí khác	1.817.548.660	2.076.446.745
TỔNG CỘNG	<u>4.285.807.587</u>	<u>4.735.588.502</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí khấu hao và hao mòn (<i>Thuyết minh số 7 và 8</i>)	22.396.390.837	21.647.934.827
Chi phí nhân công	7.267.886.254	8.197.567.891
Chi phí nhiên liệu, vật liệu	481.322.951	454.119.709
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.437.035	786.170.238
Chi phí khác	22.357.001.964	18.111.025.204
TỔNG CỘNG	<u>52.851.039.041</u>	<u>49.196.817.869</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Công ty là 22% thu nhập chịu thuế.

Đối với Dự án Thủy điện H’Chan, Công ty được áp dụng mức thuế suất 10% trong vòng mười lăm (15) năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (là năm 2006), được miễn thuế bốn (4) năm (từ năm 2006 đến năm 2009) và được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018) kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại.

Đối với Dự án Thủy điện H’Mun, Công ty được giảm 50% thuế TNDN cho chín (9) năm từ năm 2015 đến năm 2023.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thu nhập chịu thuế được trình bày như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	69.372.567.599	64.769.038.841
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	585.063.938	638.461.875
Thù lao Hội đồng Quản trị	399.000.000	496.677.065
Điều chỉnh khác	(691.506.775)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	69.665.124.762	65.904.177.781
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	35.616.599.779	32.334.954.875
Dự án Thủy điện H'Mun	28.274.793.383	33.569.222.906
Khác	5.773.731.600	-
Thuế TNDN ước tính phải nộp	6.161.278.213	9.001.976.781
<i>Trong đó:</i>		
Dự án Thủy điện H'Chan	1.780.829.989	1.616.747.743
Dự án Thủy điện H'Mun	3.110.227.272	7.385.229.038
Khác	1.270.220.952	-
Thuế TNDN trích thiếu các năm trước	157.629.411	-
Chi phí thuế TNDN trong năm	6.318.907.624	9.001.976.781
Thuế TNDN phải trả đầu năm	2.931.020.453	4.934.230.075
Thuế TNDN đã trả trong năm	(5.792.668.108)	(11.005.186.403)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	3.457.259.969	2.931.020.453

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	119.539.320.793	125.174.368.320
		Cổ tức đã công bố	1.650.000.000	1.500.000.000
		Mua điện	140.483.486	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	32.778.251.000	26.798.410.000
		Mua dịch vụ	3.204.926.049	1.250.000.000
		Lãi cho vay	878.656.944	1.500.322.223
		Chi hộ	173.824.319	-
		Mua hàng hóa	17.446.432	180.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	819.084.565	3.721.420.249

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
----------------------	--------------------	---------------------------	--------------------	-------------------

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Bán điện	<u>30.687.273.320</u>	<u>13.761.353.409</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Mua dịch vụ	17.609.262	10.643.974
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	5.703.213	306.772.649
Công ty TNHH MTV Xây dựng Bê tông Ly tâm Gia Lai	Công ty liên quan	Mua dịch vụ	50.038.156	-
TỔNG CỘNG			<u>73.350.631</u>	<u>317.416.623</u>

22. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	Công ty mẹ	Cổ tức	32.778.251.000	26.798.410.000
		Chi hộ	139.880.950	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	Cổ đông	Cổ tức	1.650.000.000	1.500.000.000
TỔNG CỘNG			<u>34.568.131.950</u>	<u>28.298.410.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<i>VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	<u>1.751.542.308</u>	<u>1.565.918.558</u>

23. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt, tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Vì vậy, Ban Giám đốc không trình bày thông tin theo bộ phận.

24. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một vài khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

Chỉ tiêu	VND		
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của trình bày lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư ngắn hạn	82.000.000.000	(82.000.000.000)	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	82.000.000.000	82.000.000.000
Các khoản phải thu khác	50.992.884	(50.992.884)	-
Tài sản ngắn hạn khác	51.680.000	(51.680.000)	-
Phải thu ngắn hạn khác	-	102.672.884	102.672.884
Quỹ dự phòng tài chính	4.971.277.274	(4.971.277.274)	-
Quỹ đầu tư phát triển	23.912.195.605	4.971.277.274	28.883.472.879

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Chủ tịch HĐQT



Lê An Khang